

Số: ~~120~~/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày ~~15~~ tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Bắc Giang
đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 908-CV/VPTU ngày 20/01/2014 của Văn phòng Tỉnh uỷ về việc thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh uỷ;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 12/TTr-SNN ngày 24/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch phát triển chăn nuôi của tỉnh Bắc Giang nằm trong chiến lược phát triển nông nghiệp cả nước, chiến lược phát triển chăn nuôi Việt Nam; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

2. Phát triển chăn nuôi trở thành ngành sản xuất hàng hóa theo hướng công nghiệp, tập trung, chuyên môn hóa. Trên cơ sở ứng dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến, có năng suất chất lượng cao, gắn bảo quản, chế biến với thị trường, bảo vệ môi trường; đáp ứng nhu cầu thực phẩm an toàn cho tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh và nhu cầu của thị trường.

3. Tổ chức, cơ cấu lại sản xuất ngành chăn nuôi gắn với thị trường, bảo đảm an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường. Quản lý chăn nuôi theo chuỗi sản phẩm, ngành hàng, truy xuất được nguồn gốc, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Phát triển chăn nuôi theo hướng, nâng cao chất lượng, nâng cao giá trị sản xuất như phát triển đàn vật nuôi có giá trị kinh tế cao, khai thác nguồn nguyên liệu nông sản, phụ phẩm nhằm hạ giá thành sản xuất, tạo công ăn việc làm có hiệu quả cho người chăn nuôi, tập trung vào các loại vật nuôi chính mà địa phương có thế mạnh như: Lợn có tỷ lệ nạc cao, chăn nuôi gà đồi, gia súc ăn cỏ, các con nuôi đặc sản, theo hướng sản xuất hàng hoá, tận dụng tối đa các lợi thế của từng tiểu vùng và gắn sản xuất với nhu cầu thị trường.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển chăn nuôi theo hướng chăn nuôi nông hộ an toàn, trang trại, sản xuất hàng hoá, ứng dụng khoa học công nghệ gắn với đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Chuyển đổi mạnh cơ cấu giống vật nuôi theo hướng tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Từng bước quản lý tốt công tác giết mổ gia súc, gia cầm, công tác thú y; đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, bệnh.

- Phấn đấu đến năm 2020 Bắc Giang là 1 trong các tỉnh dẫn đầu toàn quốc về tổng đàn lợn, gia cầm; gắn với xây dựng thương hiệu các sản phẩm chăn nuôi an toàn thực phẩm (lợn, gà), nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2013 - 2015:

- Đưa tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp từ 51,97% năm 2012 lên 53,60% năm 2015;

- Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi theo giá cố định đến năm 2015 đạt 8.852 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng bình quân 7,36%/năm;

- Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi theo giá hiện hành đến năm 2015 đạt 14.164 tỷ đồng

- Giá trị chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn) chiếm khoảng 55%, giá trị chăn nuôi gia cầm đạt 40%, giá trị sản phẩm chăn nuôi khác đạt khoảng 5%.

- Các chỉ tiêu tổng đàn và sản lượng thịt, trứng:

+ Đàn trâu 65.000 con, tổng số con xuất chuồng đạt 14.500 con/năm, trọng lượng xuất chuồng bình quân 310kg/con, sản lượng thịt trâu đạt 4.875 tấn.

+ Đàn bò 126.000 con, trong đó tỷ lệ bò lai đạt 70%, sản lượng thịt bò đạt 11.251 tấn, tổng số con xuất chuồng đạt 62.500 con/năm, trọng lượng xuất chuồng bình quân đạt 180kg/con. Đàn bò cái sinh sản được thụ tinh nhân tạo: 50% (Trong đó tỷ lệ lai tạo với giống bò cao sản: 15%).

+ Đàn lợn 1.250.000 con, trong đó: lợn nái 212.500 con; sản lượng thịt lợn đạt 165.760 tấn, số con xuất chuồng 2.072.000/năm, trọng lượng xuất chuồng bình quân 80kg/con. Sử dụng tiến bộ kỹ thuật cho sản xuất giống lợn đại trà, đàn lợn nái được thụ tinh nhân tạo: 40%, tỷ lệ nái ngoại đạt 20%; đến năm 2015 sản xuất 4 triệu con giống.

+ Đàn gia cầm đạt 17.000 nghìn con, trong đó đàn gà 14.700 nghìn con, chiếm 86,47% tổng đàn gia cầm; số con xuất chuồng 39.690 nghìn con (*bình quân 3 lứa gà/ năm; tỷ lệ hao hụt của mỗi lứa gà dự kiến khoảng 10%*); sản lượng gia cầm đến năm 2015 đạt 62.987 tấn, trọng lượng bình quân 1,6kg/con.

+ Tổng sản lượng thịt hơi các loại: trên 245.273 tấn; sản lượng trứng khoảng 350 triệu quả.

- Năm 2015 khoảng 200 nghìn lao động tham gia vào phát triển chăn nuôi, chiếm khoảng 30% lực lượng lao động nông, lâm, thủy sản.

- Giảm tỷ trọng chăn nuôi gia cầm quy mô nông hộ truyền thống từ 88,0% hiện nay xuống còn 70,11% năm 2015; tỷ trọng chăn nuôi lợn truyền thống giảm từ 90,0% xuống còn 72,42% vào năm 2015.

- Nâng số trang trại chăn nuôi từ 346 trang trại hiện nay lên 479 trang trại năm 2015, trong đó 287 trang trại gà, 192 trang trại lợn. Đưa tỷ trọng chăn nuôi gia cầm theo quy mô trang trại đạt 12,66% tổng đàn gia cầm; tỷ trọng chăn nuôi lợn theo quy mô trang trại đạt 7,68% tổng đàn lợn.

- Đầu tư xây dựng 24 khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư. Đưa tỷ trọng chăn nuôi gia cầm trong khu chăn nuôi tập trung đạt 2,2% tổng đàn gia cầm; tỷ trọng chăn nuôi lợn trong khu chăn nuôi tập trung đạt 4,90% tổng đàn lợn.

- Xây dựng các khu chăn nuôi tập trung, phát triển trang trại chăn nuôi đảm bảo yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

2.2. Giai đoạn 2016 - 2020:

- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 55,0% năm 2020

- Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi theo giá cố định đến năm 2020 đạt 10.850 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng bình quân 4,15%/năm;

- Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi theo giá hiện hành đến năm 2020 đạt 17.469 tỷ đồng;

- Các chỉ tiêu tổng đàn, sản lượng thịt, trứng, sữa:

+ Đàn trâu 60.000 con, bò 120.000 con, lợn 1.400.000 con, gia cầm trên 18.000 nghìn con;

+ Tổng sản lượng thịt hơi: 275.094 tấn, sản lượng trứng khoảng 550 triệu quả.

- Tỷ trọng chăn nuôi gia cầm quy mô nông hộ truyền thống đạt 37,38% năm 2020; tỷ trọng chăn nuôi lợn truyền thống đạt 38,40% vào năm 2020.

- Đến năm 2020 có 744 trang trại, trong đó 324 trang trại gà, 420 trang trại lợn. Tỷ trọng chăn nuôi gia cầm theo quy mô trang trại đạt 27,00% tổng đàn gia cầm; tỷ trọng chăn nuôi lợn theo quy mô trang trại đạt 21,00% tổng đàn lợn.

- Đến năm 2020 hình thành 91 khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư theo đúng tiêu chí của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đưa tỷ trọng chăn nuôi gia cầm trong khu chăn nuôi tập trung đạt 10,6% tổng đàn gia cầm; tỷ trọng chăn nuôi lợn trong khu chăn nuôi tập trung đạt 15,60% tổng đàn lợn.

- Chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư đến năm 2020 vẫn còn nhưng được kiểm soát về vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường.

2.3. Định hướng phát triển chăn nuôi đến năm 2030

- Đến năm 2030, cơ cấu ngành chăn nuôi ổn định 55% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

- Đến năm 2030, tổng đàn lợn dự kiến 1.600 nghìn con, đàn bò còn 118.000 con, đàn gia cầm ổn định khoảng 20.000 nghìn con.

- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng dự kiến đạt 300-350 nghìn tấn, sản lượng trứng dự kiến 500-700 triệu quả.

- Đàn lợn thịt có tỷ lệ nạc cao chiếm trên 80% tổng đàn; bò lai Zebu 85% tổng đàn; đàn gia cầm giống mới có năng suất thịt, trứng cao trên 65% tổng đàn vào năm 2030.

- Đến năm 2030, nâng tỷ trọng sản xuất chăn nuôi hàng hóa theo hướng trang trại tập trung quy mô vừa và lớn chiếm trên 70%; trong đó, đàn lợn chiếm trên 70%, đàn bò thịt chiếm 30%, đàn gà nuôi theo hướng bán công nghiệp và công nghiệp chiếm 70% tổng đàn.

- Đến năm 2030, cơ bản không còn chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

III. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Quy hoạch đàn vật nuôi và sản phẩm

1.1. Quy hoạch đàn trâu:

- Đến năm 2015 tổng đàn trâu có 65.000 con, giảm 3816 con so với năm 2012. Trọng lượng xuất chuồng bình quân đến năm 2015 đạt 280-300 kg/con; tổng số con xuất chuồng đạt 16.250 con/năm, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng năm 2015 đạt trên 4.875 tấn

- Đến năm 2020 tổng đàn trâu có 60.000con, trọng lượng xuất chuồng đạt 300-350kg/con; tổng số con xuất chuồng 14.500con/năm; sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng năm 2020 đạt ổn định tấn.

1.2. Quy hoạch đàn bò:

Đến năm 2015, quy mô đàn bò toàn tỉnh là 126.000 nghìn con; đến năm 2020, quy mô đàn bò khoảng 120.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 10.260 tấn.

*** Đối với bò sữa**

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển chăn nuôi bò sữa theo mô hình trang trại thâm canh.

- Trong những năm tới, phát triển sản xuất chăn nuôi bò sữa theo phương thức mới, áp dụng kỹ thuật công nghệ cao đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng tại một số vùng tập trung (vùng gò đồi có lợi thế của tỉnh), có nhiều tiềm năng trong phát triển chăn nuôi bò như Lục Ngạn, Yên Thế,...

- Tổ chức thí điểm phát triển chăn nuôi bò sữa dự kiến ở xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn, và Nông trường Yên Thế sau đó nhân rộng ra các vùng có lợi thế:

- Dự kiến quỹ đất cho phát triển bò sữa của tập đoàn TH trumil tại xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn khoảng 1.100ha, tại xã Đồng Tâm, huyện Yên Thế khoảng 400ha.

1.3. Quy hoạch đàn lợn:

- Tổng đàn lợn dự kiến đến năm 2015 đạt 1.250 nghìn con, đến năm 2020 đạt 1.400 nghìn con và định hướng đến năm 2030 là 1.600 nghìn con.

- Tổng sản lượng thịt hơi đến năm 2015 là 165,76 nghìn tấn, đến năm 2020 là 189,44 nghìn tấn.

- Tổng đàn lợn nái đạt 280.000 con vào năm 2020, trong đó nái ngoại chiếm 30%.

- Tỷ trọng tổng đàn lợn theo phương thức nuôi đến 2015: chăn nuôi nông hộ truyền thống chiếm 72,42%, chăn nuôi gia trại chiếm 15,0%, chăn nuôi trang trại chiếm 7,68%, chăn nuôi tại các khu chăn nuôi tập trung chiếm 4,90%.

- Tỷ trọng tổng đàn lợn theo phương thức nuôi đến 2020: chăn nuôi nông hộ truyền thống chiếm 38,40%, chăn nuôi gia trại chiếm 25,0%, chăn nuôi trang trại chiếm 21,00%, chăn nuôi tại các khu chăn nuôi tập trung chiếm 15,60%.

- Định hướng đến năm 2030: tổng đàn lợn là 1.600 nghìn con; ổn định sản lượng thịt hơi trên 200 nghìn tấn. Tăng tỷ trọng sản xuất chăn nuôi lợn hàng hoá theo hướng gia trại, trang trại, khu chăn nuôi tập trung chiếm trên 70%; cơ bản không còn chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

1.4. Quy hoạch đàn gia cầm:

- Đến năm 2015, tổng đàn gia cầm của tỉnh Bắc Giang có 17.000 nghìn con và đến năm 2020 là 18.000 nghìn con. Trong đó đàn gà đến năm 2015 là 14.700 nghìn con, tổng số con xuất chuồng đạt 39.690 nghìn con/năm. Đến năm 2020 là 15.500 con, tổng số con xuất chuồng đạt 41.850 nghìn con/năm.

- Sản lượng thịt gia cầm đến năm 2015 trên 62.987 tấn, đến năm 2020 chỉ tiêu này là trên 70.394 tấn.

- Sản lượng trứng đến năm 2015 trên 350 triệu quả, đến năm 2020 trên 550 triệu quả.

- Định hướng đến năm 2030: tổng đàn gia cầm khoảng 19-20 triệu con.

2. Quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa

2.1. Quy hoạch vùng chăn nuôi gà đồi Yên Thế:

Dự kiến đến năm 2015 có khoảng 6.725 nghìn con và đến năm 2020 có 7.855 nghìn con, nuôi theo hình thức trang trại, gia trại để tạo ra vùng nguyên liệu ổn định cho thị trường tiêu thụ, góp phần tăng hiệu quả của ngành chăn nuôi.

- Huyện Yên Thế: Phân bố ở 18 xã trên địa bàn huyện gồm: Đông Sơn, Đồng Hưu, Hương Vị, Đồng Kỳ, Hồng Kỳ, Tân Sỏi, Đồng Lạc, Đồng Vương, Đồng Tiến, Canh Nậu, Xuân Lương, Tam Tiến, Tam Hiệp, Phồn Xương, Tân Hiệp, An Thượng, Tiến Thắng, Đồng Tâm.

- Huyện Tân Yên: Phân bố ở 9 xã trên địa bàn huyện gồm: Lan Giới, Lam Cốt, Tân Trung, Liên Sơn, An Dương, Cao Thượng, Phúc Hòa, Nhã Nam, Cao Xá.

- Huyện Lạng Giang: Phân bố ở 7 xã trên địa bàn huyện gồm: Quang Thịnh, Tân Thịnh, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, Đào Mỹ, Tiên Lục, Tân Thanh.

2.2. Quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung, trang trại, gia trại:

- Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung:

+ Đến năm 2015, hình thành 24 khu chăn nuôi tập trung, với tổng diện tích là 120 ha.

+ Đến năm 2020, hình thành 91 khu chăn nuôi tập trung, với diện tích 465ha.

+ Định hướng đến năm 2030, các xã có điều kiện đất đai, không nằm trong vùng quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, thương mại, du lịch... đều bố trí các khu chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư để tổ chức chăn nuôi tập trung hướng trang trại; cơ bản không còn chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

- Quy hoạch trang trại: Đến năm 2020, dự kiến số trang trại toàn tỉnh là 744 trang trại (theo tiêu chí mới về trang trại); trong đó 324 trang trại nuôi gà, 420 trang trại nuôi lợn thịt, lợn nái).

3. Quy hoạch chăn nuôi khác có kiểm soát

3.1. Phát triển đàn ngựa, đàn dê:

- Đẩy mạnh chăn nuôi ngựa, dê và dần dần hình thành các mô hình chăn nuôi các con vật nuôi đặc sản góp phần mở rộng cơ cấu vật nuôi, tăng thu nhập cho người dân, ổn định cuộc sống và giải quyết việc làm cho lao động dư thừa ở khu vực nông thôn.

- Đến năm 2015 đàn dê có khoảng 15.000 con và đến năm 2020 đàn dê ổn định 20.000 con

- Đến năm 2015 đàn ngựa có khoảng 5.000 con và đến năm 2020 đàn ngựa ổn định 8.000 con.

3.2. Phát triển con nuôi đặc sản:

Xây dựng các mô hình con nuôi mới như nuôi Thỏ, Nhím, Hươu, lợn rừng... Chú trọng phát triển chăn nuôi giống ngựa bạch... gắn với mô hình trang trại. Đây là mô hình chăn nuôi có hiệu quả cần được nhân rộng, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của nhà hàng, khách sạn, tăng thu nhập cho người lao động. Đưa số lượng và giá trị sản phẩm chăn nuôi khác lên gấp 1,5 lần vào năm 2015 và từ 2 - 3 lần vào năm 2020.

4. Quy hoạch phát triển sản xuất giống vật nuôi

- Xây dựng mạng lưới cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật trong công tác sản xuất giống trâu, bò, lợn, gia cầm tập trung chính tại các vùng chăn nuôi tập trung. Để nâng cao chất lượng tinh dịch lợn, tinh cọng rạ... tăng tỷ lệ thụ thai ở đàn trâu, bò, đồng thời tăng số con trên lứa đẻ đối với đàn lợn.

- Xây dựng trung tâm giống gia súc, gia cầm tại Cao Xá do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

- Đầu tư nâng cấp các cơ sở sản xuất tinh lợn đáp ứng nhu cầu thụ tinh nhân tạo tại các địa phương. Đầu tư bổ sung, đổi mới trang thiết bị, tin học hóa công tác quản lý, nghiên cứu phù hợp với yêu cầu sản xuất hiện đại

- Ổn định và phát triển vùng lợn giống nhân dân nuôi giữ giống lợn Móng Cái tại 2 xã Tăng Tiến và Hồng Thái huyện Việt Yên.

- Hỗ trợ tinh và vật tư cho lai tạo giống lợn, giống bò thịt, cho hộ chăn nuôi trên địa bàn.

5. Quy hoạch vùng sản xuất thức ăn chăn nuôi

5.1. Quy hoạch nhà máy sản xuất thức ăn:

- Chế biến công nghiệp: Kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện cho các tổ chức, các Doanh nghiệp đầu tư xây dựng mới 2-3 nhà máy chế biến thức ăn gia súc (dự kiến xây dựng 01 nhà máy tại huyện Yên Thế, 01 nhà máy ở huyện Lục Ngạn, 01 nhà máy ở Yên Dũng, các nhà máy được xây dựng ở khu vực quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp hoặc đất sản xuất kinh doanh) để phục vụ nhu cầu chăn nuôi của địa bàn tỉnh.

- Chế biến quy mô nhỏ: Tuỳ điều kiện từng xã, sử dụng liên hợp máy chế biến quy mô nhỏ, công suất từ 0,3 - 0,5 tấn/h, bao gồm máy sây bảo quản hạt, máy nghiền, máy trộn, ..., cân định lượng, máy khâu bao cùng các bộ phận phụ trợ. Vốn đầu tư 120 triệu đồng/cơ sở.

- Tiếp tục chuyển giao công nghệ phối trộn thức ăn hỗn hợp của các hãng cho các trang trại chăn nuôi, cho phép các trang trại tự phối trộn theo công thức của hãng, và giảm giá thành thức ăn khoảng 10%.

5.2. Quy hoạch phát triển trồng cỏ:

- Chuyển đổi 1 phần diện tích đất nông, lâm nghiệp nghiệp kém hiệu quả sang trồng cỏ chăn nuôi đại gia súc.

- Phát triển lâm nghiệp kết hợp với chăn nuôi trâu bò dưới tán rừng

- Triển khai trồng cỏ tại các xã có lợi thế phát triển trồng cỏ chăn nuôi gia súc nhai lại tại các huyện: Hiệp Hòa, Tân Yên, Việt Yên, Lạng Giang, Lục Ngạn. Đến năm 2020 dự kiến tăng 269 ha so với năm 2012.

- Đến năm 2020 sản lượng cỏ trồng toàn tỉnh là 216.000 tấn, đáp ứng được 15% nhu cầu cỏ bổ sung cho tổng đàn gia súc của tỉnh.

6. Quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh

- Giai đoạn 2013-2015: Đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang dự kiến đầu tư xây dựng 14 cơ sở giết mổ tập trung, trong đó có 3 cơ sở loại II, 11 cơ sở loại III.

- Giai đoạn 2016-2020: Đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 30 cơ sở giết mổ tập trung, trong đó có 9 cơ sở loại II, 21 cơ sở loại III

- Giai đoạn sau năm 2020:

+ Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang sẽ hình thành 3 cơ sở giết mổ tập trung công nghiệp dự kiến nâng cấp từ các cơ sở loại II ở: TP. Bắc Giang, Lục Nam và Hiệp Hòa.

+ Ngoài ra trong quy hoạch đã dự kiến đề xuất trên 30 điểm ở một số xã có khả năng xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về phân vùng và bố trí quỹ đất đai cho phát triển chăn nuôi

- Trong những năm tới, về cơ bản mỗi huyện, xã nếu có điều kiện đất đai phải có kế hoạch di dời một số cơ sở chăn nuôi không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y đến vùng quy hoạch chăn nuôi tập trung, xa khu dân cư, bảo đảm vệ sinh môi trường. Đảm bảo dễ dàng kiểm soát dịch, bệnh.

- Đối với các quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, huyện, xã cần điều chỉnh bổ sung quỹ đất dành cho phát triển chăn nuôi đến năm 2020 như: đất dành cho tập đoàn Thtrumil phát triển chăn nuôi bò sữa 1500ha, đất trồng cỏ dự kiến 269ha, đất cho phát triển các trang trại chăn nuôi 744ha, đất cho phát triển chăn nuôi tập trung 465ha,...

2. Giải pháp về khoa học - công nghệ

2.1. Giải pháp về giống:

- Khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng trại giống lợn ông bà, bố mẹ với quy mô lớn để đáp ứng nhu cầu con giống, nhằm đẩy nhanh công tác cải tạo đàn gia súc trong tỉnh.

- Giống lợn:

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm thịt lợn (theo hướng nạc, tăng tỷ lệ sử dụng giống lợn ngoại hướng nạc trong cơ cấu đàn lợn từ khoảng 40% hiện tại lên 65 - 70% vào năm 2015 và từ 75% trở lên vào năm 2020).

+ Giống lợn dùng con giống có tổ hợp lai 3 đến 4 máu nuôi thương phẩm, nuôi theo hướng công nghiệp đạt tỷ lệ thịt nạc 55-59%; chú trọng phát triển đàn nái ngoại nuôi công nghiệp đạt tỷ lệ nạc cao (hiện đàn nái ngoại khoảng 15%, phấn đấu đạt khoảng 20% đàn nái ngoại vào năm 2015 và đạt khoảng 30% đàn nái ngoại vào năm 2020).

+ Mở rộng mạng lưới thụ tinh nhân tạo lợn; tổ chức bình tuyển, đánh giá chất lượng lợn đực giống, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở tư nhân nhập lợn giống tốt, đặc biệt là tinh lợn năng suất cao.

- Giống trâu: Tiến hành chọn lọc tuyển chọn đàn trâu cái có khả năng sinh sản cao, phân loại đàn trâu hiện có, loại bỏ những trâu đực giống nội có tầm vóc nhỏ bé, giữ những trâu đực có tầm vóc to, khoẻ, trọng lượng từ 300 kg trở lên,

thụ tinh nhân tạo Murrah, để cải tạo dần và nâng cao tầm vóc, thể trọng, khả năng sản xuất của đàn trâu địa phương. Sử dụng đàn trâu cái nội đủ tiêu chuẩn và nái lai F1 Murrah cho phối trực tiếp hoặc thụ tinh nhân tạo với trâu đực Murrah để tạo con lai theo hướng sinh sản và nuôi lấy thịt.

- Giống bò:

+ Phát triển các dịch vụ TTNT để phối giống tạo ra đàn bò chất lượng cao.

+ Đẩy mạnh chương trình cải tạo đàn bò địa phương thông qua phương pháp TTNT hoặc phối giống trực tiếp với bò đực giống Zêbu tạo bò lai có tỷ lệ máu ngoại trên 50%.

+ Lai tạo, phát triển giống bò thịt chất lượng cao có tỷ lệ từ 75% máu ngoại trở lên bằng sử dụng tinh của các giống bò thịt cao sản phối với bò cái nền lai Zêbu.

- Giống gia cầm:

+ Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh xây dựng trại gà giống bố mẹ với quy mô 5.000 - 10.000 con/trại để đáp ứng nhu cầu con giống.

+ Đưa giống mới vào sản xuất; Nâng cao năng lực quản lý về chăn nuôi, con giống, công tác ấp nở gia cầm.

+ Cần giữ giống và phát triển mạnh các giống gà Ri, gà Mía, gà chọi, gà lai giữa gà chọi với các giống gà Ri, gà Mía, gà Tam Hoàng, gà Lương Phượng để đáp ứng thị trường.

+ Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trại vịt giống kết hợp với lò ấp trứng vịt cung cấp một phẩm vịt giống cho các trang trại và hộ gia đình.

- Quản lý giống lợn, giống gia cầm theo mô hình tháp giống gắn với từng vùng sản xuất, từng thương hiệu sản phẩm.

- Chọn lọc, cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng các giống lợn, gia cầm địa phương có nguồn gen quý.

2.2. Ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi

Áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm chăn nuôi; Chú trọng công tác khuyến nông nâng cao trình độ cho người chăn nuôi.

- Thiết kế chuồng trại chăn nuôi lợn có hệ thống thông gió, hệ thống làm mát, điều khiển ánh sáng, máng ăn, núm uống tự động và xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học. Chuồng gà kiểu chuồng kín, có hệ thống làm mát chống nóng, tự động cấp thức ăn, nước uống, thực hiện quy trình cùng vào - cùng ra, ...

2.3. Công tác khuyến nông:

- Mở các lớp hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, kỹ thuật chăn nuôi thâm canh, kỹ thuật chế biến thức ăn gia súc (thức ăn xanh và thức ăn tinh) và công tác thú y.

- Thông qua các chương trình, dự án, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới từ các viện, trường, các trung tâm nghiên cứu hoặc từ các tổ chức ngoài tỉnh, đồng thời cung cấp các thông tin về giống, về giá cả vật tư đầu vào, thị trường tiêu thụ và giá cả sản phẩm, ... giúp người chăn nuôi có quyết định đúng đắn.

3. Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả việc ngăn chặn buôn bán, vận chuyển gia súc, gia cầm trái phép để bảo hộ sản xuất chăn nuôi trong tỉnh theo Đề án 2088/QĐ-TTg ngày 27/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phòng ngừa, ngăn chặn vận chuyển và kinh doanh gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập khẩu trái phép. Xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức lại hệ thống tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng và mua bán sản phẩm, như sử dụng thực phẩm đông lạnh, thực phẩm qua chế biến, hạn chế hình thức chợ cóc, chợ tạm, buôn bán dưới lòng đường, vỉa hè...

- Tăng cường đầu tư và hoàn thiện các chợ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là các chợ tại đô thị, nơi đông dân cư và người lao động.

- Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi: Xây dựng mối liên kết giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt giữa các doanh nghiệp, các HTX, cơ sở chăn nuôi và các điểm buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm, các cửa hàng lớn trong và ngoài tỉnh...

4. Giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển chăn nuôi

- Trong giai đoạn tới để đáp ứng được nhu cầu đầu tư cần phải có hệ thống các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, nhất là việc tăng tính chủ động trong đầu tư và điều hành thực hiện quy hoạch, tình dự kiến áp dụng các biện pháp huy động đa dạng hóa các hình thức tạo vốn, nhất là nguồn vốn của các doanh nghiệp và dân cư.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, trong đó cả từ ngân sách dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng chăn nuôi. Để nâng cao nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cần tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm cho đầu tư phát triển.

- Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và từ dân: Giải pháp quan trọng để giải quyết nhu cầu vốn là đẩy mạnh huy động các nguồn lực, đặc biệt phải huy động đầu tư của các doanh nghiệp và nội lực đầu tư các tầng lớp nhân dân. Ngoài ra còn huy động vốn hỗ trợ khác như: hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, thị trường, khoa học công nghệ theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính Phủ.

- Đồng thời nghiên cứu áp dụng các chính sách hỗ trợ sau đầu tư cho các cơ sở chăn nuôi tập trung đối với các nội dung như: xử lý chất thải, vận chuyển, kiểm dịch, xúc tiến thương mại,... để tạo nguồn lực đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chăn nuôi của tỉnh.

5. Giải pháp về xử lý môi trường trong chăn nuôi

- Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi hình thành các khu chăn nuôi tập trung kết hợp đầu tư xây dựng hệ thống xử lý và kiểm soát chất thải, sẽ giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Từng bước hạn chế, tiến tới hạn chế chăn nuôi phân tán nhỏ lẻ trong khu dân cư song song với kiểm soát chặt chẽ môi trường chăn nuôi.

- Đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động: tuyên truyền, tăng cường kiểm tra, thanh tra, yêu cầu các cơ sở cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải phù hợp từng quy mô nhằm kiểm soát ô nhiễm, giảm thiểu ô nhiễm, hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường theo quy định,...

- Đối với các cơ sở mới: Thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường, đầu tư các công trình xử lý chất thải song song với đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, đảm bảo hoàn thiện và vận hành hiệu quả trước khi cơ sở đi vào hoạt động, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra,....

- Xử lý chất thải lỏng bằng hệ thống bể lọc có sục khí, bể lắng và ao chứa trước khi xả vào môi trường.

- Xử lý chất thải rắn: xây dựng bể ủ và ủ phân bằng men vi sinh để sử dụng làm phân bón.

- Đầu tư phát triển mạnh chương trình biogaz đối với các trang trại chăn nuôi, chương trình chăn nuôi trên đệm lót sinh học.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức về pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi đối với các hộ gia đình, các cơ sở chăn nuôi tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử phạt nghiêm minh khi phát hiện các hành vi vi phạm gây ô nhiễm môi trường đối với các hộ, cơ sở chăn nuôi tập trung.

- Các hộ, các cơ sở chăn nuôi tập trung phải có các thủ tục pháp lý về môi trường (báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường) phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành.

6. Danh mục các dự án ưu tiên

- Đề án hỗ trợ giống vật nuôi.

- Đề án xây dựng Trung tâm giống vật nuôi tỉnh Bắc Giang.

- Đề án hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi theo tiêu chuẩn ViệtGap.

- Dự án Hỗ trợ xây dựng các khu chăn nuôi tập trung.

- Dự án thí điểm chăn nuôi bò sữa tại huyện Lục Ngạn và Yên Thế (do tập đoàn THtruemilk đầu tư xây dựng).

- Dự án xây dựng mô hình các chuỗi liên kết sản xuất và cung cấp sản phẩm chăn nuôi đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Dự án xử lý chất thải giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

- Dự án chế biến thức ăn hỗn hợp dùng trong chăn nuôi trang trại và nông hộ.

- Xây dựng chính sách phát triển chăn nuôi thú y (chính sách phát triển chăn nuôi tập trung, nông hộ,...)

7. Giải pháp về vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2013-2020 khoảng: 2.239,3 tỷ đồng, trong đó:
 - + Giai đoạn 2013 - 2015 là: 584,2 tỷ đồng.
 - + Giai đoạn 2016 - 2020 là: 1.655,1 tỷ đồng.
- Nguồn vốn:
 - Vốn ngân sách: 385,3 tỷ, chiếm khoảng 17,2%.
 - Vốn dân đầu tư và các nguồn vốn khác: 1.854,0 tỷ, chiếm khoảng 82,8%.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm công bố công khai, tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch; hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / - (6)

Nơi nhận: M

- Như điều 3;
- Bộ nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
 - + LDVP, TH, KT, KTN, CN, THCB;
 - + Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Thanh Sơn